

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định mức thu phí qua Phà Đồng Tháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định khung mức thu, chế độ thu, nộp đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu phí qua Phà Đồng Tháp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định mức thu phí qua Phà Đồng Tháp. Giao Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc Phà Đồng Tháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Dương**

**QUY ĐỊNH**

**Mức thu phí qua Phà Đồng Tháp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/2013/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua Phà Đồng Tháp (gồm: Phà Cao Lãnh, Phà Sa Đéc - Bình Thạnh) phải nộp phí qua phà, kể cả người và phương tiện nước ngoài.

**Điều 2. Đối tượng được miễn**

Xe cứu thương; cứu hỏa; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh; đoàn xe đưa tang; đoàn xe có hộ tống, dẫn đường; xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hoá đến những nơi bị thảm họa hoặc vùng có dịch bệnh; thương binh, bệnh binh, học sinh, trẻ em dưới 10 tuổi.

**Điều 3. Đối tượng mua vé tháng**

1. Xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh, xe điện 02 bánh: áp dụng cho mọi đối tượng khi qua Phà Đồng Tháp.

2. Xe ô tô các loại (bao gồm xe ô tô chở người và xe ô tô tải): áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện vận tải.

**Chương II  
MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ**

**Điều 4. Mức thu**

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vé bán theo lượt</b>			
1	Xe mô tô 02 bánh, gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự	đồng/lượt	5.000	Người ngồi theo xe không phải mua vé
2	Xe thô sơ (xe lôi, ba gác, xích lô và các loại xe tương tự)	đồng/lượt	6.000	
3	Xe ô tô dưới 12 ghế ngồi, xe lam và các loại xe tương tự	đồng/lượt	25.000	Bao gồm hành

				khách trên xe
4	Xe chở hàng có tải trọng dưới 03 tấn	đồng/lượt	25.000	Tính chung cho người, xe và hàng hóa trên xe
5	Xe khách từ 12 ghế ngồi đến dưới 15 ghế ngồi; xe chở hàng tải trọng từ 03 tấn đến dưới 07 tấn	đồng/lượt	35.000	
6	Xe khách từ 15 ghế ngồi đến dưới 30 ghế ngồi	đồng/lượt	50.000	Bao gồm hành khách trên xe
7	Xe khách từ 30 ghế ngồi trở lên	đồng/lượt	60.000	
8	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 07 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/lượt	60.000	Bao gồm hàng hóa trên xe
9	Xe chở hàng trọng tải từ 10 tấn đến 16 tấn	đồng/lượt	70.000	Bao gồm hàng hóa trên xe
<b>II</b>	<b>Vé bao phà</b>			
1	Phà từ 40 tấn đến 60 tấn	đồng/chuyến	200.000	
2	Phà 100 tấn	đồng/chuyến	300.000	
<b>III</b>	<b>Vé tháng</b>			
1	Xe mô tô 02 bánh, gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự	120.000 đồng/xe/tháng		Tính chung cho người, xe và hàng hóa trên xe
2	Xe ô tô các loại	Mức thu bằng 30 lần giá vé mỗi lần qua phà đối với từng loại xe tương ứng (không phân biệt đối tượng)		
<b>IV</b>	Lệ phí làm thẻ	đồng/thẻ	5.000	

### **Điều 5.** Chứng từ thu phí

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ.

Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí.

### **Điều 6.** Quản lý và sử dụng tiền phí

Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo Quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002; khoản 5, Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông

tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Đơn vị tổ chức thu phí phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

**Điều 7. Chế độ kế toán**

1. Đơn vị tổ chức thu phí, lệ phí phải mở sổ sách, chứng từ kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng quy định về chế độ kế toán, thống kê của Nhà nước.

2. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp sử dụng số tiền phí thu được theo quy định của Nhà nước.

3. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo qui định của pháp luật.

4. Thực hiện công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

**Chương III**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8.** Giám đốc Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí theo quy định.

**Điều 9.** Cơ quan Thuế địa phương nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

**Điều 10.** Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, thu, nộp phí qua Phòng Đổng Tháp, đảm bảo đúng qui định; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Dương**